

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Chữ.

Bà Nguyễn Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Nam là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 23 tháng 7 năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Căn cước công dân: 033183012800.

(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường P, tỉnh Bắc Ninh.

Chứng minh nhân dân: 121744621.

(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07-5-2025 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường P, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 19-11-2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất hòa, không có tiếng nói chung trong việc làm ăn, con cái, gia đình, không bảo ban được nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T1 có hai con chung là Nguyễn Tài A, sinh ngày 06-12-2010 và Nguyễn Thủy T2, sinh ngày 30-10-2013. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng phí tổn nuôi con. Hiện tại chị đang làm công nhân tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (địa chỉ: Lô đất số L, khu công nghiệp D, phường Đ, tỉnh Hưng Yên). Thu nhập hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường P, tỉnh Bắc Ninh). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 khi anh đi lao động nước ngoài thì chị T có quan hệ ngoại tình với người khác. Anh đã bỏ qua nhưng đến năm 2013 thì chị T tiếp tục có quan hệ bên ngoài. Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T ngoại tình, anh đã khuyên bảo nhưng chị T không thay đổi, ngoài ra không còn mâu thuẫn gì khác. Vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 8-2019 âm lịch đến nay. Nay chị Nguyễn Thị T rút đơn khởi kiện ly hôn thì anh nhất trí để chị T quay về đoàn tụ. Nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Nguyễn Tài A, sinh ngày 06-12-2010 và Nguyễn Thủy T2, sinh ngày 30-10-2013. Nếu không thể hòa giải mà phải ly hôn, anh nhất trí để chị T nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Tài A trình bày: Hiện cháu đang sống với mẹ và đang học tại xã N, tỉnh Hưng Yên. Trường hợp bố mẹ không sống cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Tài A trình bày: Hiện cháu đang sống với mẹ và đang học tại xã N, tỉnh Hưng Yên. Trường hợp bố mẹ không sống cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đều vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai, tóm tắt nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tài A, sinh ngày 06-12-2010 và Nguyễn Thủy T2, sinh ngày 30-10-2013.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, giải quyết về nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T1. Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 hiện đang cư trú tại tổ dân phố K, phường P, thị xã C, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố K, phường P, tỉnh Bắc Ninh). Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án.

[2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 19 tháng 11 năm 2007. Như vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình chung sống chị T anh T1 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau. Anh T3 cũng xác định cuộc sống có mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh là do chị T có quan hệ ngoại tình. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị T và anh T3 đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng chị T, anh T3 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần cho chị T được ly hôn với anh T3.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có hai con chung Nguyễn Tài A, sinh ngày 06-12-2010 và Nguyễn Thủy T2, sinh ngày 30-10-2013. Hội đồng xét thấy: Hiện nay các con chung đang ở với chị T, được chăm nom, chăm sóc đầy đủ và đi học tại xã N, tỉnh Hưng Yên; con đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung phát triển bình thường. Qua xác minh tại địa phương thì được biết anh T1 không có tài sản, không có nhà cửa, hiện đang thuê nhà cùng chị gái và anh T1 cũng không có nghề nghiệp ổn định. Do vậy, để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con cũng như tôn trọng nguyện vọng của con trên 07 tuổi, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết ly hôn, con chung, nghĩa vụ chịu án phí giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;
- Điều 4 và 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;
- Điều 6 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.
2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tài A, sinh ngày 06-12-2010 và Nguyễn Thủy T2, sinh ngày 30-10-2013 cho chị Nguyễn Thị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003248 ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang. Xác định chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T, bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Phượng Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Minh